

# Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo về kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	9 - 34

# Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“CNDKKD”) số 4103001067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 6 năm 2002 và các Giấy CNDKKD điều chỉnh như sau:

<i>Giấy CNDKKD điều chỉnh</i>	<i>Ngày</i>
Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 16 tháng 7 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 17 tháng 8 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 21 tháng 5 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ tư (0302634683)	Ngày 7 tháng 6 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ năm (0302634683)	Ngày 6 tháng 9 năm 2011

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại; sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, vật tư nông nghiệp; sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật; thiết kế, chế tạo, lắp đặt, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị chế biến hạt giống và nông sản.

Công ty có trụ sở chính tại số 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có các đơn vị trực thuộc là trạm giống cây trồng Củ Chi, trại giống cây trồng Cờ Đỏ, trạm giống cây trồng Cai Lậy, trại giống cây trồng Lâm Hà, trung tâm nghiên cứu Giống cây trồng Miền Nam và các chi nhánh tại Hà Nội, Tây Nguyên, Miền Trung, và Campuchia.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hàng Phi Quang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Hiệp	Thành viên
Ông Quốc Hồ Đình Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Vọng	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hoàng Công	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Đức Minh	Thành viên	
Ông Lê Quang Hồng	Thành viên	Từ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013
Bà Chu Thị Phương Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hàng Phi Quang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Thành Tài	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hàng Phi Quang.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12.1 và Công ty đang trong quá trình hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng nên đọc các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc: 

Hàng Phi Quang  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2013

Số tham chiếu: 61000411/16363943

## **BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam**

Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") được trình bày từ trang 4 đến trang 34 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Tuy không đưa ra ý kiến chấp nhận từng phần, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo, trong đó trình bày rằng Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đang trong quá trình hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng nên đọc các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

Mai Việt Hùng Trần  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán:  
0048-2013-004-1



Hàng Nhật Quang  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán:  
1772-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>447.500.165.180</b>	<b>349.093.301.439</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>25.025.837.881</b>	<b>42.747.476.738</b>
111	1. Tiền		25.025.837.881	26.535.783.338
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	16.211.693.400
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>415.000.000</b>	<b>1.208.626.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		1.539.287.000	2.091.272.300
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn		(1.124.287.000)	(882.646.300)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>130.082.957.521</b>	<b>98.826.994.837</b>
131	1. Phải thu khách hàng	6	108.981.394.385	79.309.430.039
132	2. Trả trước cho người bán		18.391.937.492	15.799.587.596
135	3. Các khoản phải thu khác	7	4.019.925.226	4.594.968.913
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.310.299.582)	(876.991.711)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>273.576.775.212</b>	<b>193.452.632.826</b>
141	1. Hàng tồn kho		277.354.253.191	194.541.133.290
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.777.477.979)	(1.088.500.464)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>18.399.594.566</b>	<b>12.857.571.038</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		890.638.303	968.676.758
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.547.563.389	616.892.470
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		212.961.379	705.655.631
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	9	13.748.431.495	10.566.346.179
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>98.566.671.327</b>	<b>69.878.741.008</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>91.487.980.670</b>	<b>66.006.927.580</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	53.835.283.048	28.239.409.516
222	Nguyên giá		94.008.528.454	65.678.850.412
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(40.173.245.406)	(37.439.440.896)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	37.634.152.167	37.754.254.428
228	Nguyên giá		40.938.999.233	40.913.949.233
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(3.304.847.066)	(3.159.694.805)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		18.545.455	13.263.636
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>2.901.178.780</b>	<b>2.662.139.112</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		7.549.764.000	7.549.764.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(4.648.585.220)	(4.887.624.888)
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.177.511.877</b>	<b>1.209.674.316</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		3.137.941.494	1.012.900.966
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22.3	1.039.570.383	196.773.350
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>546.066.836.507</b>	<b>418.972.042.447</b>


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013


VNĐ


Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>255.833.828.622</b>	<b>152.784.779.870</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>253.910.779.435</b>	<b>150.598.536.783</b>
311	1. Vay ngắn hạn	13	81.313.068.020	12.526.000.000
312	2. Phải trả người bán		101.555.146.440	97.439.219.293
313	3. Người mua trả tiền trước		1.256.457.727	1.271.375.236
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.068.567.342	4.029.095.021
315	5. Phải trả người lao động		7.537.676.452	9.735.368.589
316	6. Chi phí phải trả	15	11.723.011.144	5.273.934
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	41.299.115.672	20.366.272.429
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.157.736.638	5.225.932.281
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.923.049.187</b>	<b>2.186.243.087</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác		1.007.399.501	787.093.401
334	2. Vay dài hạn	17	257.892.740	520.892.740
339	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		657.756.946	878.256.946
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>18</b>	<b>290.233.007.885</b>	<b>266.187.262.577</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>290.233.007.885</b>	<b>266.187.262.577</b>
411	1. Vốn cổ phần		149.923.670.000	149.923.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		8.035.794.412	8.035.794.412
414	3. Cổ phiếu quỹ		(332.671.640)	(332.671.640)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		64.999.144.146	58.025.771.881
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		14.992.367.000	15.981.814.113
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		52.614.703.967	34.552.883.811
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>546.066.836.507</b>	<b>418.972.042.447</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	30 tháng 6 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
1. Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ)	359.750.544	287.509.784
2. Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (US\$)	30.363	4.583
- Euro (EUR)	250	702

  
Lê Thanh Nhân  
Người lập

  
Lê Tôn Hùng  
Kế toán trưởng

  
Hàng Phi Quang  
Tổng Giám đốc



Ngày 14 tháng 8 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	339.458.907.984	236.627.514.640
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(23.170.391.249)	(17.175.590.268)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	316.288.516.735	219.451.924.372
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(231.769.091.510)	(138.742.853.990)
20	5. Lợi nhuận gộp		84.519.425.225	80.709.070.382
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	2.050.462.059	2.544.818.776
22	7. Chi phí tài chính	20	(2.551.143.251)	(1.123.592.459)
23	Trong đó: chi phí lãi vay		(1.575.625.220)	(571.984.367)
24	8. Chi phí bán hàng	21	(19.226.145.501)	(16.524.141.714)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(16.791.015.275)	(15.751.328.458)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		48.001.583.257	49.854.826.527
31	11. Thu nhập khác		111.000.000	48.600.000
32	12. Chi phí khác		(146.669.022)	(42.130.784)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác		(35.669.022)	6.469.216
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		47.965.914.235	49.861.295.743
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.2	(1.867.062.835)	(13.759.795.199)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	22.3	842.797.033	1.313.150.571
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế		46.941.648.433	37.414.651.115



Lê Thanh Nhân  
Người lập



Lê Tôn Hùng  
Kế toán trưởng



Hàng Phi Quang  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>47.965.914.235</b>	<b>49.861.295.743</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ	10, 11	3.227.106.539	3.030.082.537
03	Các khoản dự phòng		3.124.886.418	(491.106.351)
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		90.410.740	(17.418.381)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(795.047.856)	(1.847.523.988)
06	Chi phí lãi vay	20	1.575.625.220	571.984.367
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>55.188.895.296</b>	<b>51.107.313.927</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(37.975.748.552)	(13.969.986.168)
10	Tăng hàng tồn kho		(82.813.119.901)	(82.733.284.033)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		15.688.755.761	(5.536.528.879)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(1.324.348.928)	1.083.926.349
13	Tiền lãi vay đã trả		(1.564.270.902)	(571.984.367)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	22.2	(3.642.610.629)	(623.815.816)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6.725.892.400	55.850.000
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(10.556.048.033)	(2.419.619.761)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(60.272.603.488)</b>	<b>(53.608.128.748)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(29.430.812.774)	(1.918.850.493)
23	Tiền chi cho vay		(70.000.000)	(869.300.000)
24	Thu tiền cho vay		621.985.300	700.000.000
27	Tiền lãi và cổ tức đã nhận		2.943.192.085	2.134.112.593
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(25.935.635.389)</b>	<b>45.962.100</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ		-	3.985.468.000
33	Tiền vay nhận được		147.787.068.020	25.900.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(79.263.000.000)	(19.576.500.000)
36	Cổ tức đã trả		(37.468.000)	(14.732.533.200)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>68.486.600.020</b>	<b>(4.423.565.200)</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
50	Giảm tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(17.721.638.857)	(57.985.731.848)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	42.747.476.738	69.611.820.642
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	25.025.837.881	11.626.088.794



Lê Thanh Nhân  
Người lập



Lê Tôn Hùng  
Kế toán trưởng



Ngày 14 tháng 8 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNDKKD") số 4103001067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 6 năm 2002 và các Giấy CNDKKD điều chỉnh như sau:

<i>Giấy CNDKKD điều chỉnh</i>	<i>Ngày</i>
Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 16 tháng 7 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 17 tháng 8 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 21 tháng 5 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ tư (0302634683)	Ngày 7 tháng 6 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ năm (0302634683)	Ngày 6 tháng 9 năm 2011

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại; sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, vật tư nông nghiệp; sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật; thiết kế, chế tạo, lắp đặt, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị chế biến hạt giống và nông sản.

Công ty có trụ sở chính tại số 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có các đơn vị trực thuộc là trạm giống cây trồng Củ Chi, trại giống cây trồng Cờ Đỏ, trạm giống cây trồng Cai Lậy, trại giống cây trồng Lâm Hà, trung tâm nghiên cứu Giống cây trồng Miền Nam và các chi nhánh tại Hà Nội, Tây Nguyên, Miền Trung, và Campuchia.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 361 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 370).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("CMKTVN") số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các CMKTVN khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)**

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 12.1 và Công ty đang trong quá trình hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng nên đọc các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VNĐ").

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Khi lập các bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, bên cạnh việc tiếp tục áp dụng CMKTVN số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái như trong các năm trước, Công ty bắt đầu thực hiện Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179").

Theo Thông tư 179, tại ngày của bảng cân đối kế toán, các khoản tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản. Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày báo cáo để thực hiện việc quy đổi này do Thông tư 179 được ban hành sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 và được áp dụng trên cơ sở phi hồi tố.

Việc thay đổi từ sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng sang sử dụng tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại trong việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ không ảnh hưởng trọng yếu đến các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

**3.2 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng cho hàng tồn kho*

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.4 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.5 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Khấu hao và khấu trừ**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	10 - 49 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

**3.8 Thuê tài sản**

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

**3.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.11 Đầu tư vào các công ty con**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ kế toán của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**3.12 Các khoản phải trả và trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13 Dự phòng**

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo CMKTVN số 10 liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong (các) kỳ trước. Bên cạnh CMKTVN số 10, bắt đầu từ ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty áp dụng Thông tư 179 để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán. Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty tiếp tục sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày báo cáo để thực hiện việc quy đổi này do Thông tư 179 được ban hành sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 và được áp dụng trên cơ sở phi hồi tố.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VNĐ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 3.16 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### *Quỹ dự phòng tài chính*

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

##### *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

#### 3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.18 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích các báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.19 Công cụ tài chính

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản cho vay.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác và các khoản vay.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Công cụ tài chính (tiếp theo)**

*Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
Tiền mặt	299.681.992	202.997.534
Tiền gửi ngân hàng	24.726.155.889	26.332.785.804
Các khoản tương đương tiền	-	16.211.693.400
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>25.025.837.881</u></b>	<b><u>42.747.476.738</u></b>

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác	1.539.287.000	2.091.272.300
<i>Trong đó:</i>		
Cho Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam vay (Thuyết minh số 23)	1.124.287.000	1.676.272.300
Cho cán bộ công nhân viên vay	415.000.000	415.000.000
Dự phòng cho Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam vay	<u>(1.124.287.000)</u>	<u>(882.646.300)</u>
<b>Giá trị thuần</b>	<b><u>415.000.000</u></b>	<b><u>1.208.626.000</u></b>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
Bên thứ ba	103.377.868.303	71.955.383.857
Bên có liên quan (Thuyết minh số 23)	<u>5.603.526.082</u>	<u>7.354.046.182</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>108.981.394.385</u></b>	<b><u>79.309.430.039</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
Tạm ứng cho nông dân	1.557.223.118	2.237.674.180
Phải thu từ các bên có liên quan (Thuyết minh số 23)	468.188.697	468.188.697
Phải thu từ nhân viên	426.096.690	426.096.690
Phải thu tiền lãi	70.750.000	70.750.000
Phải thu khác	1.497.666.721	1.392.259.346
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.019.925.226</b>	<b>4.594.968.913</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
Hàng hóa	120.098.547.370	48.399.522.240
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	92.585.852.641	74.615.674.548
Thành phẩm	50.089.234.333	52.405.120.913
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.176.991.792	10.617.522.047
Hàng gửi đi bán	2.916.652.856	3.267.563.465
Hàng mua đang đi trên đường	1.100.385.926	4.095.558.478
Công cụ, dụng cụ	1.386.588.273	1.140.171.599
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>277.354.253.191</b>	<b>194.541.133.290</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.777.477.979)	(1.088.500.464)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>273.576.775.212</b>	<b>193.452.632.826</b>

**Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
Số đầu kỳ	(1.088.500.464)	(2.721.019.263)
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	(3.777.477.979)	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	1.088.500.464	434.908.008
Số cuối kỳ	(3.777.477.979)	(2.286.111.255)

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
Tạm ứng cho nhân viên	4.477.253.086	2.784.562.611
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.212.013.465	7.733.150.000
Khác	59.164.944	48.633.568
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.748.431.495</b>	<b>10.566.346.179</b>

## Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

### 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
					VND
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2013	34.451.262.744	16.165.231.233	13.071.986.219	1.990.370.216	65.678.850.412
Mua mới trong kỳ	24.618.704.208	3.725.378.464	599.101.000	441.547.283	29.384.730.955
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(41.348.160)	(712.065.449)	(35.551.600)	(266.087.704)	(1.055.052.913)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013	59.028.618.792	19.178.544.248	13.635.535.619	2.165.829.795	94.008.528.454
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	9.890.395.402	4.948.229.426	2.861.690.370	1.038.843.946	18.739.159.144
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2013	20.086.395.122	8.878.883.089	7.123.798.654	1.350.364.031	37.439.440.896
Khấu hao trong kỳ	1.382.059.980	840.197.164	756.407.759	100.664.375	3.079.329.278
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(15.505.560)	(173.694.247)	(32.425.032)	(123.899.929)	(345.524.768)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013	21.452.949.542	9.545.386.006	7.847.781.381	1.327.128.477	40.173.245.406
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2013	14.364.867.622	7.286.348.144	5.948.187.565	640.006.185	28.239.409.516
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013	37.575.669.250	9.633.158.242	5.787.754.238	838.701.318	53.835.283.048

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VNĐ		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2013	40.684.335.409	229.613.824	40.913.949.233
Mua mới trong kỳ	-	40.800.000	40.800.000
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(15.750.000)	(15.750.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013	<u>40.684.335.409</u>	<u>254.663.824</u>	<u>40.938.999.233</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu trừ hết</i>	446.302.520	213.863.824	660.166.344
<b>Giá trị khấu trừ lũy kế:</b>			
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2013	2.941.033.094	218.661.711	3.159.694.805
Khấu trừ trong kỳ	145.152.261	2.625.000	147.777.261
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(2.625.000)	(2.625.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013	<u>3.086.185.355</u>	<u>218.661.711</u>	<u>3.304.847.066</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2013	<u>37.743.302.315</u>	<u>10.952.113</u>	<u>37.754.254.428</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013	<u>37.598.150.054</u>	<u>36.002.113</u>	<u>37.634.152.167</u>

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
Đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 12.1)	7.549.764.000	7.549.764.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(4.648.585.220)	(4.887.624.888)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>2.901.178.780</u>	<u>2.662.139.112</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**12.1 Đầu tư vào các công ty con**

Tên công ty	30 tháng 6 năm 2013		31 tháng 12 năm 2012	
	% sở hữu	Giá trị (VNĐ)	% sở hữu	Giá trị (VNĐ)
Công ty Cổ phần Kinh doanh XNK Bắc Nghệ An	70,00	4.200.000.000	70,00	4.200.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam	83,74	3.349.764.000	83,74	3.349.764.000
		<b>7.549.764.000</b>		<b>7.549.764.000</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con		(4.648.585.220)		(4.887.624.888)
<b>ĐẦU TƯ THUẦN</b>		<b>2.901.178.780</b>		<b>2.662.139.112</b>

*Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam (“SSE”)*

Công ty này là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“CNĐKKD”) số 0309966504 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 4 năm 2010 và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của SSE tại số 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của SSE là sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.

Vào ngày 13 tháng 4 năm 2013, Hội đồng Quản trị của SSE thông qua nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ quyết định giao cho Ban Giám đốc thực hiện các thủ tục xin phá sản công ty này. Tại ngày lập báo cáo này, SSE đang trong quá trình hoàn tất hồ sơ cần thiết để xin phá sản theo quy định.

*Công ty Cổ phần Kinh doanh XNK Bắc Nghệ An (“NNA”)*

Công ty này là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“CNĐKKD”) số 270300045 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 21 tháng 1 năm 2002 và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của NNA tại xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Hoạt động chính của NNA là mua bán hạt giống, vật tư nông nghiệp, nông sản, xăng dầu, hàng điện tử, vật liệu xây dựng; cung cấp dịch vụ sấy, đóng gói, mua bán máy nông nghiệp; và sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

**13. VAY NGẮN HẠN**

	30 tháng 6 năm 2013	VND 31 tháng 12 năm 2012
Vay ngắn hạn ngân hàng	80.787.068.020	12.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả ( <i>Thuyết minh số 17</i> )	526.000.000	526.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>81.313.068.020</b>	<b>12.526.000.000</b>

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động.  
Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	30 tháng 6 năm 2013	Điều khoản và thời hạn	Lãi suất (năm)	Hình thức đảm bảo
VND				
<i>Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội</i>				
Số VNM 03120871 ngày 11 tháng 5 năm 2012	8.542.893.387	Từ ngày 10 tháng 7 năm 2013 đến ngày 3 tháng 9 năm 2013	7.5%	(i) Các khoản phải thu từ khách hàng của Công ty và (ii) giá trị hàng tồn kho tối thiểu 750.000 Đô la Mỹ
<i>Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Hội sở</i>				
Số SHBVN/2013/ SSC/PK03 ngày 27 tháng 6 năm 2013	57.448.174.633	Từ ngày 27 tháng 9 năm 2013 đến ngày 13 tháng 11 năm 2013	6% - 8.1%	Tất cả quyền sở hữu và lợi ích từ các hợp đồng bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ hiện tại hoặc trong tương lai với giá trị tối thiểu 110% hạn mức tín dụng (66 tỷ đồng VNĐ)
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh</i>				
Số 1700-LAV- 200801317 ngày 4 tháng 5 năm 2012	14.796.000.000	Từ ngày 10 tháng 4 năm 2014 đến ngày 17 tháng 4 năm 2014	11%	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>80.787.068.020</b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
Thuế thu nhập doanh nghiệp ( <i>Thuyết minh số 22.2</i> )	1.888.782.084	3.664.329.878
Thuế giá trị gia tăng	124.130.438	250.480.025
Thuế thu nhập cá nhân	3.569.000	112.650.860
Thuế khác	52.085.820	1.634.258
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.068.567.342</u></b>	<b><u>4.029.095.021</u></b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
Chiết khấu thương mại	9.642.488.562	-
Chi phí vận chuyển	1.633.460.211	-
Khác	447.062.371	5.273.934
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.723.011.144</u></b>	<b><u>5.273.934</u></b>

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
Cổ tức phải trả	34.170.767.900	15.483.964.650
Nghiên cứu khoa học và công nghệ	2.100.000.000	-
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	1.049.534.242	935.634.142
Kinh phí công đoàn	270.035.900	397.551.000
Bảo hiểm thất nghiệp	54.476.475	11.030.288
Các khoản phải trả phải nộp khác	3.654.301.155	3.538.092.349
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>41.299.115.672</u></b>	<b><u>20.366.272.429</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

**17. VAY DÀI HẠN**

	30 tháng 6 năm 2013	VNĐ 31 tháng 12 năm 2012
Vay dài hạn ngân hàng	<u>783.892.740</u>	<u>1.046.892.740</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 13)</i>	526.000.000	526.000.000
<i>Nợ dài hạn</i>	257.892.740	520.892.740

Công ty thực hiện khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh nhằm mục đích đầu tư xây dựng nhà máy chế biến hạt giống tại Hà Nội. Chi tiết như sau:

<i>Hợp đồng vay</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Điều khoản và thời hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	VNĐ			
Số 41/2006-HĐTD-VNN-TD1 ngày 1 tháng 11 năm 2006	<u>783.892.740</u>	Hoàn trả trong vòng 8 năm kể từ lần giải ngân đầu tiên	5,4%/năm	Tổng giá trị tài sản hoàn thành từ dự án
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>783.892.740</u></b>			



# Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

## 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VNĐ
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012:</b>							
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2012	149.923.670.000	6.565.250.880	(5.162.961.108)	48.553.145.647	12.824.282.035	15.715.887.873	228.419.275.327
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	979.863.215	3.005.604.785	-	-	-	3.985.468.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	37.414.651.115	37.414.651.115
Trích lập các quỹ	-	-	-	5.940.850.499	1.980.273.500	(7.921.123.999)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.168.443.601)	(3.168.443.601)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(14.908.387.000)	(14.908.387.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(436.498.086)	(436.498.086)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2012	149.923.670.000	7.545.114.095	(2.157.356.323)	54.493.996.146	14.804.555.535	26.696.086.302	251.306.065.755
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013:</b>							
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2013	149.923.670.000	8.035.794.412	(332.671.640)	58.025.771.881	15.981.814.113	34.552.883.811	266.187.262.577
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	46.941.648.433	46.941.648.433
Trích lập các quỹ	-	-	-	6.973.372.265	(989.447.113)	(5.983.925.152)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.719.131.875)	(3.719.131.875)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(18.724.271.250)	(18.724.271.250)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(452.500.000)	(452.500.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013	149.923.670.000	8.035.794.412	(332.671.640)	64.999.144.146	14.992.367.000	52.614.703.967	290.233.007.885

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**18.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm và cuối kỳ	149.923.670.000	149.923.670.000
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức công bố	18.724.271.250	14.908.387.000
Cổ tức đã trả trong kỳ	37.468.000	14.732.533.200

**18.3 Vốn cổ phần**

	30 tháng 6 năm 2013		31 tháng 12 năm 2012	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VNĐ)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VNĐ)
Cổ phiếu được phép phát hành	14.992.367	149.923.670.000	14.992.367	149.923.670.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ				
Cổ phiếu phổ thông	14.992.367	149.923.670.000	14.992.367	149.923.670.000
Cổ phiếu ngân quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(12.950)	(129.500.000)	(12.950)	(129.500.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	14.979.417	149.794.170.000	14.979.417	149.794.170.000

**19. DOANH THU**

**19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>339.458.907.984</b>	<b>236.627.514.640</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	236.362.507.842	214.851.186.279
Doanh thu bán hàng hóa	103.095.377.415	21.776.123.816
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.022.727	204.545
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>	<b>(23.170.391.249)</b>	<b>(17.175.590.268)</b>
Chiết khấu thương mại	(12.325.409.167)	(9.381.975.897)
Hàng bán bị trả lại	(14.150.000)	(7.539.738.291)
Giảm giá hàng bán	(10.830.832.082)	(253.876.080)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>316.288.516.735</b>	<b>219.451.924.372</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

**19. DOANH THU (tiếp theo)**

**19.2 Doanh thu tài chính**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>
Chiết khấu thanh toán	1.255.414.203	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	795.047.856	1.835.023.988
Khác	-	709.794.788
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.050.462.059</u></b>	<b><u>2.544.818.776</u></b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>
Chi phí lãi vay	1.575.625.220	571.984.367
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	882.506.259	72.134.988
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	90.410.740	44.798.851
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.601.032	433.609.253
Chiết khấu thanh toán	-	1.065.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.551.143.251</u></b>	<b><u>1.123.592.459</u></b>

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>
Chi phí nguyên vật liệu	220.399.544.129	122.726.885.312
Chi phí nhân công	25.739.964.281	21.491.975.488
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản (Thuyết minh số 10 và 11)	3.227.106.539	3.030.082.537
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.124.268.645	18.271.412.315
Chi phí khác	5.295.368.692	5.497.968.510
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>267.786.252.286</u></b>	<b><u>171.018.324.162</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

## 22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 25% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Vào ngày 30 tháng 7 năm 2012, Công ty nhận được Giấy chứng nhận số 08/ĐK-DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh cấp, chấp thuận là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"). Theo các quy định về Doanh nghiệp KH&CN, và các quy định về ưu đãi, miễn giảm thuế TNDN hiện hành thì Công ty được miễn, giảm thuế TNDN như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu trở lên của Doanh nghiệp KH&CN. Cụ thể:

- (i) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN; và
- (ii) Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm và giảm 50% trong 9 (chín) năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 22.1 Thuế TNDN

	<i>VNĐ</i>
	<i>Cho kỳ kế toán</i>
	<i>sáu tháng kết thúc</i>
	<i>ngày 30 tháng 6</i>
	<i>năm 2013</i>
	<i>Cho kỳ kế toán</i>
	<i>sáu tháng kết thúc</i>
	<i>ngày 30 tháng 6</i>
	<i>năm 2012</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.867.062.835
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(842.797.033)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.024.265.802</b>
	<b>13.759.795.199</b>
	<b>(1.313.150.571)</b>
	<b>12.446.644.628</b>

### 22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của kỳ hiện tại. Lợi nhuận chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng giữa niên độ vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

**22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**22.2 Thuế TNDN hiện hành** (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>47.965.914.235</b>	<b>49.861.295.743</b>
<b>Điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán:</b>		
Chi phí phải trả	10.089.550.933	5.107.443.029
Trợ cấp thôi việc phải trả	220.306.100	145.159.255
Chi phí không được trừ	146.669.022	-
Cổ tức nhận được	-	(12.500.000)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	(62.217.232)
<b>Lợi nhuận chịu thuế ước tính</b>	<b>58.422.440.290</b>	<b>55.039.180.795</b>
<i>Trong đó:</i>		
Lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động có thuế suất 25%	7.468.251.340	55.039.180.795
Lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động khoa học và công nghệ	50.954.188.950	-
<b>Thuế TNDN ước tính</b>	<b>1.867.062.835</b>	<b>13.759.795.199</b>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	3.664.329.878	1.551.261.550
Thuế TNDN phải trả trong kỳ	(3.642.610.629)	(623.815.816)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b> <i>(Thuyết minh số 14)</i>	<b>1.888.782.084</b>	<b>14.687.240.933</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

**22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**22.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	VNĐ			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>31 tháng 12 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>
Chi phí phải trả	817.393.703	-	817.393.703	1.276.860.757
Trợ cấp thôi việc phải trả	222.176.680	196.773.350	25.403.330	36.289.814
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>1.039.570.383</b>	<b>196.773.350</b>		
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>842.797.033</b>	<b>1.313.150.571</b>

**23. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i>
			<i>Giá trị</i>
Công ty Cổ phần Kinh doanh XNK Bắc Nghệ An	Công ty con	Bán hàng hóa	17.015.191.362
		Hàng bán bị trả lại	779.362.000
		Chiết khấu	612.676.700
Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam	Công ty con	Mua hàng hóa	602.548.371
		Mua tài sản cố định	218.900.000
		Vay	70.000.000

Chi tiết tiền thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong kỳ như sau:

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>
	Lương và các chi phí liên quan	452.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

**23. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu, phải trả từ các bên liên quan tại ngày lập bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VNĐ
			Giá trị
<b>Các khoản đầu tư ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam	Công ty con	Vay	<u>1.124.287.000</u>
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty Cổ phần Kinh doanh XNK Bắc Nghệ An	Công ty con	Bán hàng hóa	<u>5.603.526.082</u>
<b>Các khoản phải thu khác</b>			
Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam	Công ty con	Thu nhập lãi	<u>468.188.697</u>
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam	Công ty con	Mua tài sản cố định	<u>1.239.000</u>

**24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 được trình bày như sau:

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
Dưới 1 năm	<u>346.418.182</u>	<u>530.531.584</u>

**25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty và xây dựng nhà máy chế biến giống cây trồng. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tương đương đang phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có các rủi ro chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

**25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có hai loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro tiền tệ. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Một số chi phí của Công ty phát sinh bằng các loại ngoại tệ khác với đồng Việt Nam. Công ty nhận thấy rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

***Phải thu khách hàng***

Mục tiêu của Công ty là tiếp tục tăng trưởng doanh thu trong khi tối thiểu hóa tổn thất phát sinh do rủi ro tín dụng gia tăng. Công ty chỉ giao dịch với những khách hàng có uy tín. Công ty thực hiện xem xét chất lượng tín dụng cho tất cả các khách hàng hoặc yêu cầu ứng trước tiền. Ngoài ra, Công ty đánh giá rủi ro nợ xấu là không trọng yếu khi theo dõi các khoản phải thu khách hàng. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty có giá trị ghi sổ tại ngày lập báo cáo được trình bày trong Thuyết minh số 6.

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Công ty có rủi ro tín dụng phát sinh từ mặc định của một bên. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

**25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**Rủi ro thanh khoản** (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	VNĐ Tổng
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013</b>			
Vay	81.313.068.020	257.892.740	81.570.960.760
Phải trả người bán	101.555.146.440	-	101.555.146.440
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	53.022.126.816	-	53.022.126.816
	<b><u>235.890.341.276</u></b>	<b><u>257.892.740</u></b>	<b><u>236.148.234.016</u></b>
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>			
Vay	12.526.000.000	520.892.740	13.046.892.740
Phải trả người bán	97.439.219.293	-	97.439.219.293
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	20.371.546.363	-	20.371.546.363
	<b><u>130.336.765.656</u></b>	<b><u>520.892.740</u></b>	<b><u>130.857.658.396</u></b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã sử dụng khoản phải thu khách hàng, giá trị hàng tồn kho và quyền sở hữu, lợi ích từ các hợp đồng bán hàng hóa để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Thuyết minh số 13).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

## Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

### 26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30 tháng 6 năm 2013		31 tháng 12 năm 2012	
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng
<b>Tài sản tài chính</b>				
Ký quỹ ngắn hạn	9.212.013.465	-	170.000.000	-
Phải thu khách hàng	108.981.394.385	(1.310.299.582)	79.309.430.039	(876.991.711)
- <i>Bên liên quan</i>	5.603.526.082	-	7.354.046.182	-
- <i>Bên thứ ba</i>	103.377.868.303	(1.310.299.582)	71.955.383.857	(876.991.711)
Phải thu khác	4.019.925.226	-	4.594.968.913	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.025.837.881	-	42.747.476.738	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>147.239.170.957</b>	<b>(1.310.299.582)</b>	<b>126.821.875.690</b>	<b>(876.991.711)</b>
			<b>145.928.871.375</b>	<b>125.944.883.979</b>

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30 tháng 6 năm 2013		31 tháng 12 năm 2012	
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay	81.570.960.760	13.046.892.740	81.570.960.760	13.046.892.740
Phải trả người bán	101.555.146.440	97.439.219.293	101.555.146.440	97.439.219.293
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	53.022.126.816	20.371.546.363	53.022.126.816	20.371.546.363
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>236.148.234.016</b>	<b>130.857.658.396</b>	<b>236.148.234.016</b>	<b>130.857.658.396</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này gần bằng với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

**27. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Lê Thanh Nhân  
Người lập



Lê Tôn Hùng  
Kế toán trưởng



Hãng Phi Quang  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2013